

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16/03/2018

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Hồng Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1973

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Tô Văn T, sinh năm 1964

Trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong Đơn khởi kiện ly hôn, Bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị và anh Tô Văn T kết hôn với nhau từ năm 1990, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương,

tuy nhiên do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên vợ chồng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tới khoảng năm 2010 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống chung vợ chồng quá căng thẳng nên từ đầu năm 2011 chị đã bỏ đi làm ăn ở nơi khác, thi thoảng mới về địa phương thăm con rồi lại đi, vợ chồng cũng ly thân từ năm 2011 cho đến nay.

Chị xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài hơn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là: Tô Thị O, sinh ngày 01/11/1991 và Tô Văn Th, sinh ngày 02/10/1997. Hiện cả hai con đều đã thành niên và tự lao động nuôi sống bản thân do vậy chị không có yêu cầu về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có vay nợ, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi chị bỏ đi khỏi địa phương, tháng 07/2017 ở nhà anh Tô Văn T tự làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng X số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), việc vay vốn này chị không hề biết và không được ký ủy quyền hoặc ký bất cứ văn bản gì cho anh Tô Văn T vay vốn, số tiền này chị cũng hoàn toàn không được sử dụng, do vậy chị xác định số nợ này không phải nợ chung của vợ chồng, anh Tô Văn T phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng X khi món vay đến hạn trả nợ.

[2] Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành bị đơn anh Tô Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau từ năm 1990, trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên không tiến hành đăng ký kết hôn do lạc hậu và thiếu hiểu biết pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Tới khoảng năm 2010 không biết vì nguyên nhân gì mà chị C tự nhiên bỏ đi ra ngoài làm ăn, sinh sống, từ đó đến nay chị C không quan tâm gì đến gia đình, chồng con và cũng không trở về nữa, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay.

Anh xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, trên thực tế thì cuộc hôn

nhân của anh chị cũng chỉ là hình thức, ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Do vậy nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa anh và chị C để giải phòng cho cả hai.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung như nội dung chị C trình bày. Năm 2017 anh có tự vay Ngân hàng X số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/7/2022. Việc vay nợ này chị C không biết, không được ký bất cứ văn bản gì liên quan đến việc vay nợ (do thời điểm đó chị C đã bỏ đi khỏi địa phương). Anh T xác định đây là nợ riêng của anh không liên quan đến chị C, do vậy sau khi Tòa án giải quyết xong vụ án, anh sẽ tự có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng X số tiền đó khi khoản nợ đến hạn trả nợ theo khế ước vay tiền.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã có Công văn số 74/CV-TA ngày 24/01/2018 thông báo cho Ngân hàng X biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tô Văn T, trong đó có liên quan đến việc vay nợ tiền của Ngân hàng (do anh Tô Văn T đứng tên vay). Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và có căn cứ giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đề nghị Ngân hàng X có quan điểm (bằng văn bản) về việc giải quyết trường hợp vay nợ của anh Tô Văn T.

Tại Công văn số 22/CV-NHCS ngày 30/01/2018, Ngân hàng X đã trả lời Tòa án và nêu quan điểm về việc giải quyết trường hợp vay nợ của anh Tô Văn T như sau: Hiện tại món vay chưa đến kỳ hạn thanh toán nên Ngân hàng không có yêu cầu độc lập, không tham gia tố tụng trong vụ án này. Tới kỳ hạn thanh toán (hoặc tới khi có thay đổi khác) nếu người vay vốn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng sẽ có yêu cầu khởi kiện độc lập theo quy định pháp luật.

[4] Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Chị Nguyễn Thị C và anh Tô Văn T kết hôn năm 1990 trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, năm 2011 chị C bỏ nhà đi làm ăn ở nơi khác, vợ chồng ly thân từ khi đó đến nay. Về con chung, có hai con chung là Tô Thị O, sinh ngày 01/11/1991 và Tô Văn Th, sinh ngày 02/10/1997 đến nay đều đã trưởng thành. Về tài sản chung, công nợ chung các đương sự đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quan điểm đề nghị: Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 21, Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tô Văn T.

+ Về con chung: Đã thành niên.

+ Về tài sản chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Án phí chị C phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị C với bị đơn anh Tô Văn T, cùng trú tại: Xóm C, xã N, huyện Đ, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị C có mặt, bị đơn anh Tô Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Tô Văn T.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Tô Văn T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương; tuy nhiên, do lạc hậu, thiếu hiểu biết nên anh chị không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, tới năm 2010 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị C trình bày là do anh T thường xuyên chơi bời, cờ bạc, chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, cuộc sống chung vợ chồng quá căng thẳng nên từ đầu năm 2011 chị C đã bỏ đi khỏi địa phương, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Hiện tại cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không khắc phục được,

cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài hơn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng.

Qua đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân hiện nay giữa chị C và anh T đã ở mức trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, do chị C và anh T sau khi tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương không tới cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định nên cần căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh T.

+ Về con chung: Quá trình chung sống chị C và anh T có hai con chung là Tô Thị O, sinh ngày 01/11/1991 và Tô Văn Th, sinh ngày 02/10/1997. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cả hai cháu O và Th đều đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị C và anh Tô Văn T.

2. Về con chung: Con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), đủ năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015924 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Chị C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn (chị C), vắng mặt bị đơn (anh T). Báo cho chị C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Bắc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân:

1.....

2.....

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 về không công nhận vợ chồng giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Chín, sinh năm 1973

Địa chỉ: Xóm Đồng Cỏ, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Tô Văn Tám, sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm Đồng Cỏ, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I. Điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

II. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Chín và anh Tô Văn Tám. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

2. Về con chung: Con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi trở lên), đủ năng lực hành vi dân sự, không mất khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Chín phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015924 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Chị Chín đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. *Kết quả biểu quyết: 3/3*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Chín có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tám có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết . *Kết quả biểu quyết: 3/3*

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Huy Bắc